

Bản án số: 06/2025/DSST

Ngày 29/7/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hữu Tỷ và ông Lê Văn Lượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: Số A, đường L, phường Đ, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Trí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người được uỷ quyền lại: Chị Triệu Mùi S (*Có mặt*) - Chuyên viên xử lý nợ, Ngân hàng V chi nhánh Đ.

Địa chỉ: Số A đường T, phường B, tỉnh L.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M (*Vắng mặt*), sinh năm 1983 và chị Lê Thị Mỹ H (*Vắng mặt*), sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (cũ), nay là B, xã T, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-8-2024 nguyên đơn trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần V ký kết với anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2001072076770, ký ngày 14/01/2020, số tiền giải ngân 349.000.000đ, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100%, nhãn hiệu HUYNDAI ACCENT 1.4T, sản xuất năm 2019 phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân; thời hạn vay 84 tháng, tính từ ngày 21/01/2020 đến ngày 20/01/2027; phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9.49%/năm, biên độ (+) 3.5%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó từ

tháng thứ 13 trở đi (từ ngày 20/01/2021) sẽ được điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm hợp đồng vay là 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số khung 41BBKN028488, số máy G4LCKF717122, biển số 48A092.33 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/01/2020 cho anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H; chúng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1358634082, đăng ký ngày 17/01/2020 tại trung tâm đăng ký giao dịch Thành phố Hồ Chí M.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh M, chị H đã trả được tổng số tiền 287.620.262 đồng, trong đó số tiền gốc đã thanh toán 178.665.000 đồng; số tiền lãi đã thanh toán 108.955.262 đồng; từ ngày 16/9/2023 toàn bộ khoản vay nêu trên của anh M, chị H đã chuyển sang quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện, liên hệ yêu cầu anh M, chị H trả gốc và lãi nhưng vẫn không thực hiện; tính đến ngày 29/7/2024 anh M, chị H còn nợ số tiền gốc là 170.335.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 29/7/2024, anh M, chị H còn nợ là 99.569.222 đồng.

Ngoài hợp đồng tín dụng nêu trên, anh M, chị H còn ký giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/12/2019, số thẻ 005-P-1862860 với mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn từ ngày 03/3/2020 đến ngày 03/3/2025. Anh M, chị H còn nợ theo hợp đồng thẻ nêu trên 15.263.534 đồng tiền gốc và 17.199.251 đồng tiền lãi (tính đến ngày 29/7/2025), tổng cộng 32.462.785 đồng.

Do anh M, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh M, chị H trả ngay một lần cho V đối với 02 hợp đồng nêu trên với tổng số tiền 302.369.007 đồng, trong đó số tiền gốc là 185.598.534 đồng, tiền lãi là 116.768.473 đồng

Ngoài ra kể từ ngày 30/7/2025 anh M, chị H còn phải thanh toán lãi quá hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết với V

Trường hợp anh M, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì V yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số khung 41BBKN028488, số máy G4LCKF717122, biển số 48A-092.33 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đ cấp ngày 13/01/2020 do anh Nguyễn Văn M đứng tên để thu hồi khoản vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H nhưng anh M, chị H đã không có mặt tại địa phương nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về các yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn (anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H) phải trả cho V tổng

số tiền gốc và lãi của các HĐ tín dụng là 302.369.007 đồng, trong đó số tiền gốc là 185.598.534 đồng, tiền lãi là 116.768.473 đồng. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả nợ không đúng khoản tiền nêu trên thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H trả số tiền nợ gốc, lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm vay vốn, bị đơn anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H đăng ký hộ khẩu thường trú tại bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (cũ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong (nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V yêu cầu anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H trả các khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng các bên ký kết:

2.1. V có ký với anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2001072076770, ngày 14/01/2020 với số tiền cho vay là 349.000.000 đồng, thời hạn cho vay 84 tháng (từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/01/2027), mục đích sử dụng vốn vay thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100% nhãn hiệu HUYNDAI ACCENT 1.4 AT, sản xuất năm 2019 phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân, hình thức giải ngân thông qua chuyển khoản; phương thức trả tiền gốc và lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 16 (kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên vào ngày 16/2/2020, số tiền gốc phải trả 4.155.000 đồng); lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác: Lãi cho vay tại thời điểm giải ngân 9,49%/năm, sau đó lãi được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7 và 01/10 hàng năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm khoản vay là xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số khung 41BBKN028488, số máy G4LCKF717122, biển số 48A-092.33 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cũ cấp ngày 13/01/2020 do anh Nguyễn Văn M.

Ngoài hợp đồng tín dụng nêu trên, anh M và chị H còn ký giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/12/2019, số thẻ 005-P-1862860 với mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn từ ngày 03/3/2020 đến ngày 03/3/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh M và chị H đã trả được một phần khoản nợ gốc; từ ngày 19-9-2023, anh M và chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho V. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian trả nợ nhưng anh M và chị H vẫn không có ý thức trả dứt nợ cho ngân hàng. Xét thấy bên vay không còn khả năng

thanh toán nợ, do đó V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng cho vay đồng thời khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh M, chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong 01 lần, toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 29-7-2025 là 302.369.007 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 30-7-2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị Mỹ H không trả hoặc trả không đầy đủ cho V thì tài sản thế chấp nêu trên được xử lý theo quy định của pháp luật để V thu hồi nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu của V được xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp tài sản số LN2001072076770 ngày 14-01-2020: Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Hồ Chí Minh. Tại Điều 3 hợp đồng quy định, tài sản thế chấp được bảo đảm để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của khách hàng phát sinh từ hợp đồng (gồm khoản nợ gốc, lãi, các khoản phí...). Do anh M, chị H không thanh toán được nợ nên phải xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu nợ là cần thiết, có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng; phù hợp với quy định tại các Điều 292, 298, 299, 317 và 319 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-2-2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

3. Buộc anh Nguyễn Văn M, chị Lê Thị Mỹ H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tương ứng khoản nợ gốc sau ngày 29-7-2025 cho đến khi trả xong khoản nợ trên theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết để thu hồi nợ gốc, lãi phát sinh.

4. Xét quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác M tại Công an xã Đăk Som (cũ), xác định anh M, chị H đã không có mặt tại địa phương, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh M, chị H theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị Mỹ H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 15.118.000 đồng (302.369.000 đồng x 5%). VP Bank được hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nộp là 6.208.005 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008659, ngày 11-11-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đắk Nông cũ nay là Chi cục thi hành án dân sự khu vực 6 – Lâm Đồng.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91; Điều 95

Luật các tổ chức tín dụng; Điều 292; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 322; Điều 323; Điều 385; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ngân hàng TMCP V) đối với bị đơn (Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị Mỹ H) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 302.369.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc là 185.598.534 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 29/7/2025 là 116.768.473 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị Mỹ H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số khung 41BBKN028488, số máy G4LCKF717122, biển số 48A-092.33 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 13/01/2020 do anh Nguyễn Văn M đứng tên theo hợp đồng thế chấp số LN2001072076770 ngày 14-01-2020 để thu hồi nợ gốc, lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị Mỹ H phải nộp số tiền là 15.118.000 đồng (*Mười lăm triệu một trăm mười tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. V được hoàn trả lại số tiền 6.208.005 đồng (*Sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn không trăm lẻ năm đồng*) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008659, ngày 11-11-2024 tại Chi cục THA Dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông nay là Chi cục thi hành án dân sự Khu vực 6 – Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6-Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS khu vực 6-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng